BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CĐ PHƯƠNG ĐÔNG ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 323/QĐ-CĐPĐĐN

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường CĐ Phương Đông Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG PHƯƠNG ĐÔNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 361/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 63/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 71/2026/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục;

Căn cứ Quyết định số 7444/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Phương Đông và Quyết định số 926/QĐ-LĐTBXH ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên thành Trường Cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hợp tác - Tổ chức Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức, hoạt động của Trường Cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-CĐPĐĐN ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng.

Điều 3. HĐQT, BGH, Trưởng các phòng, khoa, đơn vị, trung tâm và toàn thể nhà giáo, người lao động, người học của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐQT; BGH;
- Như Điều 3;
- Công khai trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, HT-TCHC.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG PHƯƠNG ĐÔNG ĐÀ NẴNG

TS. Lê Ngọc Quý

QUY CHẾ

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CĐ PHƯƠNG ĐÔNG ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 323/QĐ-CĐPĐĐN ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Hiệu trưởng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng (sau đây gọi là Trường), gồm: tên trường, sứ mạng, mục tiêu, nhiệm vụ và quyền hạn; nhà đầu tư và hội đồng trường; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các hội đồng; cơ cấu tổ chức; hoạt động giáo dục nghề nghiệp; quyền và nghĩa vụ của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân sự hỗ trợ giáo dục, người dạy nghề, người lao động và người học; tài chính và tài sản; quan hệ của Trường với gia đình người học, doanh nghiệp và xã hội; kiểm tra, khen thưởng và xử lý kỷ luật.

2. Quy chế này áp dụng đối với nhà đầu tư, hội đồng trường, hiệu trưởng, các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Trường và tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Quy chế này cụ thể hóa Điều lệ trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 63/2026/TT-BGDĐT (sau đây gọi là Điều lệ) và Thông tư số 71/2026/TT-BGDĐT. Nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tên trường, trụ sở và địa vị pháp lý

1. Tên tiếng Việt: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG PHƯƠNG ĐÔNG ĐÀ NẴNG**. Tên tiếng Anh: **PHUONG DONG DA NANG COLLEGE.** Tên viết tắt: **PDC**. Ký hiệu trên văn bản hành chính: **CĐPĐĐN.**

2. Trụ sở chính: số 32 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng. Cổng thông tin điện tử: **cdpd.edu.vn**. Mã số thuế: 0400442764.

3. Trường là cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, được thành lập theo Quyết định số 7444/QĐ-BGDĐT ngày 20/11/2007 và đổi tên theo Quyết định số 926/QĐ-LĐTBXH ngày 20/6/2017; có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; có quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật (Điều 2 Điều lệ).

4. Trường chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu

1. Sứ mạng: Trường Cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trực tiếp có tay nghề, ngoại ngữ và kỹ năng số trong các lĩnh vực sức khỏe, công nghệ – kỹ thuật, du lịch – kinh tế cho thành phố Đà Nẵng, khu vực miền Trung và thị trường lao động quốc tế; gắn đào tạo với doanh nghiệp và việc làm trong nước, ngoài nước; hợp tác, liên kết đào tạo trong và ngoài nước; ứng dụng khoa học, công nghệ và thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo (điểm b khoản 2 Điều 3 Điều lệ).

2. Đến năm 2035, khẳng định Trường là cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục có thương hiệu và vị thế dẫn đầu tại khu vực miền Trung trong đào tạo các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe, dịch vụ và kỹ thuật; tiên phong trong đào tạo gắn với thực tiễn, hợp tác doanh nghiệp, mở rộng liên kết quốc tế và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập.

3. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung: Trường thực hiện mục tiêu đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề, sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác theo điểm a khoản 2 Điều 3 Điều lệ;

b) Đối với người học: sau khi tốt nghiệp, người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, trách nhiệm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ, kỹ năng số, năng lực tự chủ và trách nhiệm; có khả năng giải quyết công việc phức tạp của nghề, tìm việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp, học tập nâng cao trình độ; thích ứng với thị trường lao động trong nước và quốc tế;

c) Đối với nhà trường: duy trì kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo theo quy định; mở rộng hợp tác với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, thực tập và tuyển dụng; phát triển chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập, làm việc ở nước ngoài; chuyển đổi số trong quản trị và đào tạo;

d) Chỉ tiêu cụ thể của từng giai đoạn do Hội đồng trường quyết nghị trong chiến lược, kế hoạch phát triển của Trường.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều 4 Điều lệ.

2. Tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, học thuật và hoạt động chuyên môn trong phạm vi pháp luật cho phép; thực hiện trách nhiệm giải trình với nhà đầu tư, hội đồng trường, người học, xã hội và cơ quan quản lý nhà nước.

3. Thực hiện công khai cam kết chất lượng, điều kiện bảo đảm chất lượng và thu, chi tài chính theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và quản trị

1. Phân định rõ ba chức năng: Nhà đầu tư thực hiện quyền sở hữu; Hội đồng trường thực hiện quản trị, quyết nghị và giám sát; Hiệu trưởng quản lý, điều hành.

2. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; mỗi việc có một đơn vị, một cá nhân chịu trách nhiệm chính.

3. Dân chủ, công khai, minh bạch; phòng ngừa xung đột lợi ích; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo và người lao động.

4. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo có kiểm soát trong quản trị, điều hành và đào tạo; văn bản điện tử có chữ ký số có giá trị như văn bản giấy theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hệ thống văn bản nội bộ và thẩm quyền ban hành

1. Thẩm quyền quyết định, ban hành các văn bản nội bộ chủ yếu:

Văn bản	Cơ quan quyết nghị / thông qua	Người ký ban hành
Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn; kế hoạch chuyển đổi số; sứ mạng, tầm nhìn	Hội đồng trường	Chủ tịch Hội đồng trường ký nghị quyết; hiệu trưởng ban hành (điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ)
Quy chế tổ chức, hoạt động và các sửa đổi, bổ sung	Hội đồng trường (khoản 2 Điều 5 Điều lệ); trong thời gian chuyển tiếp: Hội đồng quản trị (khoản 4 Điều 47)	Hiệu trưởng
Danh mục đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức (thành lập, sáp nhập, giải thể phòng, khoa, trung tâm)	Hội đồng trường	Hiệu trưởng quyết định thành lập theo danh mục
Kế hoạch tài chính năm, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ	Hội đồng trường	Hiệu trưởng
Bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Hội đồng trường	Chủ tịch Hội đồng trường
Nội quy lao động; Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc; thang lương, bảng lương, quy chế lương, thưởng; định mức lao động	Hiệu trưởng, sau khi tham khảo ý kiến Công đoàn cơ sở (Bộ luật Lao động)	Hiệu trưởng
Quy chế, quy định chuyên môn: đào tạo, tuyển sinh, khảo thí, công tác người học, khoa học công nghệ, bảo đảm chất lượng; quy định về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng trí tuệ nhân tạo	Hiệu trưởng (tham khảo Hội đồng khoa học và đào tạo khi cần)	Hiệu trưởng
Quy chế phân cấp phê duyệt và ủy quyền ký; quy trình nghiệp vụ; quyết định cá biệt	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng hoặc người được ủy quyền

2. Văn bản do cấp dưới ban hành không được trái với văn bản của cấp trên. Văn bản trái với Quy chế này phải được sửa đổi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hiện, trừ việc rà soát lần đầu theo khoản 2 Điều 47 Quy chế này.

3. Văn bản do Hội đồng quản trị ban hành hợp pháp trước ngày Quy chế này có hiệu lực tiếp tục được áp dụng theo khoản 11 Điều 45 Luật Giáo dục nghề nghiệp và khoản 2 Điều 16 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT; văn bản do hiệu trưởng ban hành hợp

pháp trước ngày đó tiếp tục được áp dụng cho đến khi được sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ. Nội dung trái với Quy chế này không được áp dụng và được sửa đổi theo khoản 2 Điều 47 Quy chế này.

4. Thể thức, kỹ thuật trình bày và quản lý văn bản thực hiện theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư.

5. Trong thời gian chưa thành lập Hội đồng trường, các nội dung thuộc thẩm quyền quyết nghị của Hội đồng trường tại khoản 1 Điều này do Hội đồng quản trị thực hiện theo điểm a khoản 4 Điều 47 Quy chế này, trừ việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng.

Chương II
NHÀ ĐẦU TƯ VÀ HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Điều 7. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Trường là các tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập Trường theo hồ sơ pháp lý của Trường (sau đây gọi là Nhà đầu tư). Kể từ ngày hoàn tất thủ tục thành lập tổ chức kinh tế theo khoản 13 Điều 42 Nghị định số 361/2026/NĐ-CP, Nhà đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư giáo dục PDC (mã số doanh nghiệp: 0402313348; trụ sở: số 30 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng) và kế thừa quyền, nghĩa vụ của các nhà đầu tư trước đó đối với Trường theo hồ sơ đã hoàn tất thủ tục. Khi Nhà đầu tư là Công ty, Nhà đầu tư thực hiện các quyền quy định tại Quy chế này thông qua quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Công ty theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; văn bản của Nhà đầu tư do người đại diện theo pháp luật của Công ty ký. Hội đồng quản trị của Công ty không phải là cơ quan quản trị của Trường. Khi Nhà đầu tư gồm nhiều tổ chức, cá nhân, các quyền tại khoản 2 Điều này được thực hiện bằng văn bản có chữ ký của các nhà đầu tư sở hữu trên 50% tổng số vốn góp, trừ trường hợp thỏa thuận góp vốn có quy định khác.

2. Nhà đầu tư có quyền:

a) Bầu hoặc cử, thay thế, cho chấm dứt tư cách, miễn nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng trường (khoản 4 Điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp; khoản 2 Điều 15 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT);

b) Thông qua số lượng, tỷ lệ, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên, Chủ tịch Hội đồng trường trước khi được quy định hoặc sửa đổi trong Quy chế này (khoản 4 Điều 10 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT);

c) Quyết định việc góp vốn, tăng, giảm vốn, chuyển nhượng phần vốn và phân phối kết quả hoạt động theo quy định tại Điều 38, Điều 40 Luật Giáo dục nghề nghiệp và pháp luật có liên quan;

d) Giám sát hoạt động của Trường thông qua Hội đồng trường và các cơ chế giám sát hợp pháp khác; yêu cầu hiệu trưởng báo cáo, giải trình về chiến lược, kế hoạch, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và nội dung khác theo quy định (khoản 3, khoản 5 Điều 15 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

3. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:

a) Bảo đảm các điều kiện đầu tư và hoạt động của Trường theo quy định;

b) Tôn trọng quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình và thẩm quyền của Hội đồng trường, Hiệu trưởng; không can thiệp trực tiếp vào hoạt động quản lý, điều hành;

c) Bảo đảm điều kiện, kinh phí hoạt động của Hội đồng trường.

4. Việc thay đổi nhà đầu tư, chuyển nhượng phần vốn góp thực hiện theo pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, giáo dục nghề nghiệp và Nghị định số 361/2026/NĐ-CP; việc thay đổi này không làm chấm dứt hoạt động của Hội đồng trường, hiệu lực của các văn bản nội bộ của Trường và tư cách của thành viên Hội đồng trường, trừ trường hợp Nhà đầu tư mới thay thế thành viên theo Điều 12 Quy chế này. Hội đồng trường là cơ quan quản trị hoạt động liên tục (khoản 2 Điều 11 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

Điều 8. Vị trí, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường

1. Hội đồng trường là tổ chức quản trị của Trường, đại diện cho các bên liên quan, quyết định định hướng phát triển, cơ cấu tổ chức, sử dụng nguồn lực và giám sát việc thực hiện chiến lược, trách nhiệm giải trình của Trường (khoản 1 Điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp). Hội đồng trường là cơ quan quản trị hoạt động liên tục (khoản 2 Điều 11 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

2. Hội đồng trường có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quyết nghị sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn; định hướng mở mới, dừng tuyển sinh ngành, nghề đào tạo;

b) Quyết nghị thông qua Quy chế tổ chức, hoạt động và các sửa đổi, bổ sung;

c) Quyết nghị cơ cấu tổ chức: thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các phòng, khoa, trung tâm, phân hiệu và đơn vị trực thuộc;

d) Quyết nghị kế hoạch tài chính năm, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ; chủ trương đầu tư, mua sắm, vay, cho thuê, chuyển nhượng tài sản có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên cho một hợp đồng hoặc dự án;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng (khoản 2 Điều 9 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT);

e) Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng trường, chiến lược, kế hoạch phát triển, trách nhiệm giải trình và hoạt động quản lý, điều hành của hiệu trưởng;

g) Yêu cầu Hiệu trưởng, tổ chức, cá nhân thuộc Trường cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ nhiệm vụ của Hội đồng trường;

h) Báo cáo Nhà đầu tư về hoạt động của Hội đồng trường hằng năm;

i) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng trường không quyết định thay hiệu trưởng các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành, gồm: tuyển dụng, ký kết và chấm dứt hợp đồng lao động, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật người lao động (trừ việc đánh giá, khen thưởng, kỷ luật hiệu trưởng và việc miễn nhiệm, cách chức phó hiệu trưởng); tổ chức đào tạo, tuyển sinh, cấp văn bằng; chi tiêu trong dự toán đã được thông qua.

Điều 9. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng trường

1. Hội đồng trường có 05 thành viên (số lẻ, không quá 15 người – khoản 1 Điều 10 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT), bảo đảm có đại diện đủ các thành phần theo khoản 3 Điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp; một thành viên có thể đồng thời đại diện cho nhiều thành phần nếu đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của từng thành phần tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này:

Thành phần	Số người đại diện tối thiểu	Cách xác định
Đại diện Nhà đầu tư	01	Nhà đầu tư cử (khoản 1, khoản 6 Điều 12 Quy chế này)
Đại diện lãnh đạo Trường	01	Nhà đầu tư cử hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng (khoản 1, khoản 6 Điều 12 Quy chế này)
Đại diện nhà giáo	01	Theo khoản 2 Điều 12 Quy chế này
Đại diện người học	01	Theo khoản 3 Điều 12 Quy chế này
Chuyên gia, nhà khoa học	01	Theo khoản 4 Điều 12 Quy chế này
Nhà quản lý giáo dục	01	Theo khoản 4 Điều 12 Quy chế này
Đại diện doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	01	Theo khoản 4 Điều 12 Quy chế này
Tổng	05 (có thành viên kiêm nhiệm)	

2. Hội đồng trường có Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Thư ký; Chủ tịch, Phó Chủ tịch là thành viên Hội đồng trường. Việc tăng số lượng thành viên do Nhà đầu tư quyết định sau khi sửa đổi Quy chế này.

3. Tỷ lệ thành viên: đại diện Nhà đầu tư không quá 2/5 tổng số thành viên; mỗi thành phần còn lại có ít nhất 01 người đại diện; mỗi thành viên đại diện không quá 02 thành phần. Số lượng, tỷ lệ, cơ cấu tại Điều này và tiêu chuẩn tại Điều 10 Quy chế này đã được Nhà đầu tư thông qua trước khi ban hành; việc sửa đổi thực hiện theo Điều 48 Quy chế này (khoản 4 Điều 10 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên và Chủ tịch Hội đồng trường

1. Thành viên Hội đồng trường phải đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu tại khoản 2 Điều 10 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT (dẫn chiếu khoản 2 Điều 4):

a) Có phẩm chất đạo đức, uy tín, năng lực và kinh nghiệm phù hợp; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; không bị Tòa án tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

c) Không trong thời gian chấp hành án phạt tù, biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh;

d) Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng với thành phần đại diện tại khoản 2 Điều này.

2. Tiêu chuẩn riêng theo thành phần:

a) Đại diện nhà giáo: nhà giáo cơ hữu có hợp đồng lao động với Trường, có thời gian công tác tại Trường từ 03 năm trở lên, không trong thời gian bị xử lý kỷ luật;

b) Đại diện người học: người học chính quy trình độ cao đẳng từ năm thứ hai và còn ít nhất 12 tháng đến thời điểm dự kiến tốt nghiệp; kết quả học tập và rèn luyện năm học liền kề từ khá trở lên; không trong thời gian bị kỷ luật; ký cam kết bảo mật thông tin khi nhận nhiệm vụ;

c) Chuyên gia, nhà khoa học: có trình độ thạc sĩ trở lên, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề đào tạo của Trường;

d) Nhà quản lý giáo dục: đang hoặc đã giữ chức vụ quản lý tại cơ sở giáo dục hoặc cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục từ 05 năm trở lên;

đ) Đại diện doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: giữ vị trí quản lý hoặc là người phụ trách chuyên môn tại doanh nghiệp, cơ sở đang hợp tác đào tạo, tiếp nhận thực tập hoặc tuyển dụng người học của Trường theo thỏa thuận bằng văn bản và được doanh nghiệp, cơ sở đó cử bằng văn bản;

e) Đại diện Nhà đầu tư: là Nhà đầu tư hoặc người được Nhà đầu tư cử bằng văn bản; am hiểu hoạt động giáo dục nghề nghiệp và hoạt động của Trường;

g) Đại diện lãnh đạo Trường: đang giữ chức vụ hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng của Trường; khi thôi giữ chức vụ thì chấm dứt tư cách đại diện thành phần này.

3. Chủ tịch Hội đồng trường phải đáp ứng tiêu chuẩn thành viên, có năng lực tổ chức, điều hành hoạt động của Hội đồng trường và không đồng thời giữ chức vụ hiệu trưởng của Trường (khoản 3 Điều 10 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Việc kiêm nhiệm chức vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng trường thực hiện theo Điều 13 Quy chế này.

Điều 11. Nhiệm kỳ

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng trường và của thành viên Hội đồng trường là 05 năm (khoản 1 Điều 11 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Thành viên được bổ sung, thay thế trong nhiệm kỳ có nhiệm kỳ đến hết nhiệm kỳ chung.

2. Thành viên là đại diện người học có nhiệm kỳ đến khi hết nhiệm kỳ chung hoặc đến khi không còn là người học của Trường, tùy thời điểm nào đến trước.

3. Chậm nhất 03 tháng trước khi hết nhiệm kỳ, Chủ tịch Hội đồng trường báo cáo Nhà đầu tư để tổ chức xác định thành viên nhiệm kỳ kế tiếp. Chậm nhất 15 ngày trước ngày hết nhiệm kỳ, Nhà đầu tư ban hành quyết định về thành viên nhiệm kỳ kế tiếp, có hiệu lực từ ngày nhiệm kỳ cũ kết thúc; nhiệm kỳ của thành viên không được kéo dài quá 05 năm (khoản 1 Điều 11 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

Điều 12. Trình tự giới thiệu, bầu hoặc cử thành viên Hội đồng trường

1. Nhà đầu tư xác định số lượng, cơ cấu thành viên theo Điều 9 Quy chế này và có văn bản đề nghị các tổ chức, nhóm đại diện giới thiệu, bầu hoặc cử nhân sự (điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Văn bản này xác định hình thức bầu hoặc cử Chủ tịch Hội đồng trường theo khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

2. Đại diện nhà giáo do Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở giới thiệu hoặc do hội nghị nhà giáo cơ hữu bầu theo đề nghị của Nhà đầu tư (điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT); trường hợp bầu, hiệu trưởng phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức hội nghị nhà giáo cơ hữu; hội nghị hợp lệ khi có trên 50% tổng số nhà giáo cơ hữu tham dự; người trúng cử là người đạt số phiếu tán thành cao nhất và trên 50% số người dự họp, bầu bằng phiếu kín.

3. Đại diện người học do Đoàn Thanh niên giới thiệu hoặc do hội nghị đại diện lớp bầu theo đề nghị của Nhà đầu tư; trường hợp bầu, Đoàn Thanh niên phối hợp Phòng Đào tạo - Công tác sinh viên tổ chức hội nghị đại diện lớp (mỗi lớp 01 đại biểu); nguyên tắc hợp lệ và trúng cử như khoản 2 Điều này. Trường hợp bầu, biên bản hội nghị tại khoản 2 và khoản 3 Điều này ghi nhận người có số phiếu tán thành cao thứ hai, đạt trên 50% số người dự họp, làm nhân sự thay thế; khi thành viên tương ứng chấm dứt tư cách, Nhà đầu tư xem xét hồ sơ, tổ chức họp, lập biên bản và quyết định bổ sung người này theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 12 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT mà không phải tổ chức hội nghị bầu lại.

4. Hiệu trưởng giới thiệu nhân sự chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý giáo dục và đại diện doanh nghiệp, kèm văn bản đồng ý tham gia của người được giới thiệu; đối với đại diện doanh nghiệp, cơ sở, kèm văn bản cử của doanh nghiệp, cơ sở và thỏa thuận hợp tác đào tạo, tiếp nhận thực tập hoặc tuyển dụng với Trường.

5. Hồ sơ nhân sự gồm: văn bản giới thiệu hoặc biên bản bầu; sơ yếu lý lịch; bản cam kết đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều 10 Quy chế này; văn bản đồng ý tham gia.

6. Nhà đầu tư xem xét hồ sơ, tổ chức họp bầu hoặc cử thành viên Hội đồng trường và ban hành quyết định; cuộc họp phải lập biên bản ghi đầy đủ ý kiến, kết quả biểu quyết (điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định bầu hoặc cử Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng trường, Trường gửi quyết định đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (khoản 4 Điều 12 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

Điều 13. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng trường và việc kiêm nhiệm chức vụ

1. Chủ tịch Hội đồng trường do Nhà đầu tư bầu hoặc cử trong số thành viên theo khoản 4 Điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp, Điều 12 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT và Quy chế này; phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện tại khoản 3 Điều 10 Quy chế này và quy định hiện hành. Trường hợp cử, việc cử phải lập biên bản ghi rõ căn cứ, quá trình xem xét và kết quả lựa chọn (điểm d khoản 1 Điều 12 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Trường hợp bầu, Nhà đầu tư triệu tập, điều hành phiên họp để các thành viên bầu Chủ tịch bằng phiếu kín; người trúng cử phải được trên 50% tổng số thành viên Hội đồng trường tán thành; Nhà đầu tư ban hành quyết định (điểm c khoản 1 Điều 12 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Không bầu hoặc cử người đang giữ chức vụ hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng trường (khoản 7 Điều này).

2. Chủ tịch Hội đồng trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo pháp luật và Quy chế này; tổ chức, điều hành hoạt động của Hội đồng trường theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, quyết định theo đa số (khoản 2 Điều 13 Luật Giáo dục nghề nghiệp). Chủ tịch Hội đồng trường có nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch làm việc; triệu tập, điều hành các cuộc họp;

b) Ký nghị quyết, quyết định, biên bản và văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường;

c) Chỉ đạo giám sát việc thực hiện nghị quyết;

d) Đại diện phía Trường giao kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động với hiệu trưởng và ký quyết định về chế độ, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng theo nghị quyết của Hội đồng trường, với tư cách người được ủy quyền theo khoản 3

Điều 18 Bộ luật Lao động; văn bản ủy quyền do hiệu trưởng ký theo nghị quyết của Hội đồng trường;

đ) Nhiệm vụ khác do Hội đồng trường giao.

3. Khi Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, Phó Chủ tịch triệu tập, điều hành cuộc họp và ký văn bản của Hội đồng trường theo ủy quyền của Chủ tịch; trường hợp Phó Chủ tịch cũng vắng mặt, Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên không phải là hiệu trưởng; trường hợp Chủ tịch không thể ủy quyền, các thành viên dự họp bầu một thành viên không phải là hiệu trưởng điều hành cuộc họp đó (khoản 2 Điều 14 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Trường hợp Chủ tịch chấm dứt tư cách hoặc bị miễn nhiệm, Nhà đầu tư giao Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác không phải là hiệu trưởng tạm thời thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch không quá 06 tháng (khoản 3 Điều 13 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

4. Hội đồng trường có 01 Phó Chủ tịch. Phó Chủ tịch do Nhà đầu tư cử trong số thành viên đáp ứng tiêu chuẩn tại khoản 3 Điều 10 Quy chế này và không đồng thời là hiệu trưởng; nhiệm kỳ của Phó Chủ tịch theo nhiệm kỳ của Hội đồng trường. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ theo phân công bằng văn bản và thực hiện nhiệm vụ tại khoản 3 Điều này. Việc cử, miễn nhiệm Phó Chủ tịch thực hiện theo trình tự cử, miễn nhiệm Chủ tịch tại khoản 1 Điều này và Điều 16 Quy chế này.

5. Việc kiêm nhiệm chức vụ khác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng trường phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm phân định rõ chức năng quản trị của Hội đồng trường với chức năng quản lý, điều hành của hiệu trưởng và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể có liên quan.

6. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng trường có thể đồng thời giữ chức vụ phó hiệu trưởng, trưởng phòng, trưởng khoa, giám đốc trung tâm hoặc chức vụ quản lý chuyên môn khác trong cơ cấu tổ chức của Trường. Trong trường hợp này, nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ công tác của từng chức danh phải được quy định rõ trong Quy chế này, quyết định bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ tương ứng; khi Hội đồng trường xem xét việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật hoặc chế độ liên quan đến chức vụ đó, người giữ chức vụ không tham gia biểu quyết theo khoản 3 Điều 15 Quy chế này; bảo đảm tuân thủ quy định về xung đột lợi ích và quy định pháp luật có liên quan.

7. Không bố trí Chủ tịch Hội đồng trường đồng thời giữ chức vụ hiệu trưởng của Trường (khoản 3 Điều 10 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Phó Chủ tịch Hội đồng trường không đồng thời là hiệu trưởng theo khoản 4 Điều này.

Điều 14. Thư ký Hội đồng trường

1. Thư ký Hội đồng trường do Chủ tịch đề xuất, Hội đồng trường thông qua; Thư ký là người làm việc tại Trường hoặc tại Nhà đầu tư, không phải thành viên và không có quyền biểu quyết.

2. Thư ký chuẩn bị chương trình, tài liệu, giấy mời họp; ghi biên bản; theo dõi việc thực hiện nghị quyết; lưu trữ hồ sơ của Hội đồng trường; thực hiện việc công khai nghị quyết.

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ của thành viên; phòng ngừa xung đột lợi ích

1. Thành viên được cung cấp thông tin, tài liệu; tham gia thảo luận, biểu quyết. Tư cách thành viên Hội đồng trường không phải là quan hệ lao động với Trường: thành viên không hưởng tiền lương vì tư cách thành viên mà được hưởng thù lao theo

mức do Nhà đầu tư quyết định, chi từ kinh phí hoạt động của Hội đồng trường (trừ Chủ tịch nhận thù lao từ Nhà đầu tư); thành viên là người lao động của Trường tiếp tục hưởng tiền lương theo hợp đồng lao động. Thù lao được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

2. Thành viên có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp; bảo mật thông tin theo quy định; không sử dụng tư cách thành viên để can thiệp vào công việc quản lý, điều hành.

3. Thành viên là người được xem xét bổ nhiệm, ký hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật hoặc là người đại diện của tổ chức giao dịch với Trường không tham gia biểu quyết nội dung đó. Thành viên có quan hệ vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột với người được xem xét hoặc có lợi ích vật chất tại tổ chức giao dịch với Trường phải công khai lợi ích trước khi biểu quyết; nội dung công khai được ghi vào biên bản. Nghị quyết thông qua trái khoản này có thể bị Hội đồng trường xem xét lại.

Điều 16. Chấm dứt tư cách, tạm đình chỉ và miễn nhiệm thành viên, Chủ tịch

1. Tư cách Chủ tịch, thành viên chấm dứt trong các trường hợp tại khoản 1 Điều 13 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT (dẫn chiếu khoản 1 Điều 7): hết nhiệm kỳ; chết; bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; không còn thuộc thành phần đại diện và tổ chức, nhóm đại diện đề nghị thay thế; có đơn xin thôi và được Nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản; bị miễn nhiệm; trường hợp khác theo pháp luật. Thành viên đại diện nhà giáo chấm dứt tư cách khi chấm dứt hợp đồng lao động với Trường; thành viên đại diện người học chấm dứt tư cách khi thôi học hoặc tốt nghiệp. Đơn xin thôi tham gia Hội đồng trường gửi Nhà đầu tư; Nhà đầu tư trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn.

2. Chủ tịch, thành viên bị xem xét miễn nhiệm khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn; vi phạm nghiêm trọng hoặc nhiều lần không thực hiện nhiệm vụ (vắng quá 02 cuộc họp định kỳ liên tiếp không có lý do chính đáng); lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại (khoản 2 Điều 13 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT, dẫn chiếu khoản 2 Điều 7).

3. Trước khi quyết định miễn nhiệm, Nhà đầu tư thông báo bằng văn bản cho người bị đề nghị miễn nhiệm, tạo điều kiện giải trình và tổ chức họp xem xét; có thể quyết định tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ trong thời gian xem xét; toàn bộ hồ sơ, diễn biến, kết quả được lập biên bản (khoản 2 Điều 13 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT, dẫn chiếu khoản 3 Điều 7). Việc xem xét miễn nhiệm do Chủ tịch Hội đồng trường, ít nhất 1/3 tổng số thành viên hoặc Nhà đầu tư đề nghị bằng văn bản, kèm tài liệu chứng minh căn cứ; người bị đề nghị được giải trình bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo; thời gian tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ không quá 60 ngày. Hồ sơ miễn nhiệm gồm: văn bản đề nghị, tài liệu chứng minh, văn bản giải trình (nếu có), biên bản họp xem xét và quyết định của Nhà đầu tư.

4. Nhà đầu tư kiện toàn thành viên theo trình tự tại Điều 12 Quy chế này; quyết định miễn nhiệm được gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong 05 ngày làm việc (khoản 5 Điều 13 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

Điều 17. Cuộc họp và biểu quyết của Hội đồng trường

1. Hội đồng trường họp định kỳ ít nhất 01 lần mỗi quý và họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch, của ít nhất 1/3 tổng số thành viên, của hiệu trưởng hoặc của Nhà

đầu tư. Giấy mời và tài liệu gửi trước ít nhất 05 ngày làm việc; trường hợp khẩn cấp gửi trước ít nhất 01 ngày làm việc.

2. Cuộc họp được tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp; thành viên họp trực tuyến được tính là có mặt. Cuộc họp hợp lệ khi có trên 50% tổng số thành viên tham dự (khoản 3 Điều 14 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

3. Nghị quyết, quyết định được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên biểu quyết tán thành (03/05 thành viên khi Hội đồng trường có 05 thành viên) (khoản 4 Điều 14, khoản 4 Điều 8 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Mỗi thành viên có 01 phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau. Thành viên không biểu quyết do có lợi ích liên quan theo khoản 3 Điều 15 Quy chế này vẫn được tính vào tổng số thành viên. Trường hợp số thành viên được tham gia biểu quyết ít hơn 03 người, thành viên là người đại diện của tổ chức giao dịch với Trường được tham gia biểu quyết sau khi đã công khai lợi ích, ghi vào biên bản và nghị quyết được báo cáo Nhà đầu tư; người là đối tượng trực tiếp được xem xét bổ nhiệm, ký hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật không tham gia biểu quyết trong mọi trường hợp.

4. Hội đồng trường có thể lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc phương tiện điện tử đối với các nội dung khác ngoài việc thông qua, sửa đổi Quy chế tổ chức, hoạt động và bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng; kết quả lấy ý kiến được lập thành biên bản và có giá trị như biểu quyết tại cuộc họp.

5. Nghị quyết của Hội đồng trường được công khai trong Trường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký, báo cáo Nhà đầu tư và cơ quan quản lý theo quy định.

Điều 18. Giám sát và trách nhiệm giải trình

1. Hiệu trưởng báo cáo Hội đồng trường bằng văn bản hằng quý về tình hình thực hiện nghị quyết, kế hoạch năm, tài chính, nhân sự và các rủi ro trọng yếu; báo cáo năm trước ngày 31 tháng 01 năm sau; các báo cáo này đồng thời được gửi Nhà đầu tư. Hiệu trưởng báo cáo, giải trình với Nhà đầu tư, Hội đồng trường về chiến lược, kế hoạch, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và nội dung khác khi được yêu cầu (khoản 5 Điều 15 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

2. Hội đồng trường giám sát qua báo cáo, yêu cầu cung cấp thông tin, làm việc trực tiếp với đơn vị, cá nhân; kết quả giám sát được thông báo cho hiệu trưởng, báo cáo Nhà đầu tư và công khai trong Trường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận, trừ thông tin thuộc bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân theo quy định (khoản 4 Điều 14, khoản 7 Điều 8 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Khi phát hiện vi phạm, Hội đồng trường xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

Điều 19. Điều kiện hoạt động của Hội đồng trường

Mức thù lao của thành viên Hội đồng trường do Nhà đầu tư quyết định; kinh phí hoạt động của Hội đồng trường do Chủ tịch Hội đồng trường đề xuất, Nhà đầu tư chấp thuận và được bố trí trong kế hoạch tài chính năm của Trường (điểm c khoản 3 Điều 7 Quy chế này). Hội đồng trường sử dụng con dấu của Trường để đóng trên văn bản thuộc thẩm quyền; bộ phận văn thư của Trường thực hiện việc quản lý văn bản của Hội đồng trường.

Chương III
HIỆU TRƯỞNG, PHÓ HIỆU TRƯỞNG VÀ CÁC HỘI ĐỒNG

Điều 20. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng là người đứng đầu, đại diện theo pháp luật của Trường, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của Trường theo Điều lệ, Quy chế này và pháp luật; chịu trách nhiệm trước Hội đồng trường, Nhà đầu tư và pháp luật.

2. Hiệu trưởng do Hội đồng trường bổ nhiệm, miễn nhiệm (khoản 2 Điều 12 Luật Giáo dục nghề nghiệp; khoản 2 Điều 9 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT); nhiệm kỳ 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại (khoản 1 Điều 14 Điều lệ). Tiêu chuẩn hiệu trưởng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (hiện hành là Thông tư số 17/2026/TT-BGDĐT). Hiệu trưởng không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng trường.

3. Trình tự bổ nhiệm, cho thôi giữ chức vụ hiệu trưởng:

a) Nhà đầu tư hoặc Chủ tịch Hội đồng trường giới thiệu nhân sự kèm hồ sơ chứng minh tiêu chuẩn (sơ yếu lý lịch, văn bằng, quyết định bổ nhiệm các chức vụ quản lý, giấy khám sức khỏe, chương trình hành động nhiệm kỳ);

b) Hồ sơ được gửi thành viên Hội đồng trường ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp;

c) Hội đồng trường biểu quyết bằng phiếu kín theo khoản 3 Điều 17 Quy chế này; thành viên có lợi ích liên quan không biểu quyết;

d) Chủ tịch Hội đồng trường ký quyết định; trường hợp Chủ tịch có lợi ích liên quan hoặc chưa thực hiện nhiệm vụ, người điều hành phiên họp ký;

đ) Quyết định được gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Sở Giáo dục và Đào tạo để báo cáo và công bố trong Trường.

4. Hiệu trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn theo khoản 4 Điều 14 Điều lệ, trong đó có: ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế tổ chức, hoạt động sau khi được Hội đồng trường thông qua; quyết định thành lập các đơn vị theo danh mục tại Điều 24; quản lý nhân sự, ký kết và chấm dứt hợp đồng lao động; đánh giá, khen thưởng, kỷ luật; bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm, bộ môn; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng trường và quyết định của Nhà đầu tư trong phạm vi thẩm quyền.

5. Hiệu trưởng phân công, ủy quyền cho phó hiệu trưởng, trưởng đơn vị theo Quy chế phân cấp phê duyệt và ủy quyền ký do Hiệu trưởng ban hành. Việc ủy quyền phải bằng văn bản, có phạm vi và thời hạn; người được ủy quyền không được ủy quyền lại.

Điều 21. Phó hiệu trưởng

1. Số lượng phó hiệu trưởng do Hội đồng trường quyết định theo đề nghị của hiệu trưởng, phù hợp với quy mô và yêu cầu quản lý của Trường. Phó hiệu trưởng do Hội đồng trường bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của hiệu trưởng (khoản 2 Điều 14 Điều lệ; khoản 2 Điều 9 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT); nhiệm kỳ 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại.

2. Phó hiệu trưởng giúp hiệu trưởng quản lý, điều hành theo lĩnh vực được phân công; thay mặt hiệu trưởng giải quyết công việc được giao hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng và pháp luật (khoản 5 Điều 14 Điều lệ).

Điều 22. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo do hiệu trưởng thành lập theo Điều 14 Luật Giáo dục nghề nghiệp, có từ 07 đến 11 thành viên, gồm: hiệu trưởng (Chủ tịch), phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo, trưởng các khoa, Trưởng phòng Đào tạo – Công tác sinh viên, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng – Nghiên cứu khoa học, đại diện nhà giáo và ít nhất 01 đại diện doanh nghiệp.

2. Hội đồng tư vấn cho hiệu trưởng về: chiến lược phát triển ngành, nghề; chương trình, giáo trình, chuẩn đầu ra; kế hoạch đào tạo, khoa học công nghệ, bảo đảm chất lượng; tiêu chuẩn và đánh giá nhà giáo. Hội đồng họp ít nhất 02 lần mỗi năm học.

Điều 23. Các hội đồng tư vấn khác

Hiệu trưởng thành lập các hội đồng tư vấn theo khoản 3 Điều 15 Điều lệ và quy định của pháp luật, gồm: Hội đồng thi đua – khen thưởng; Hội đồng kỷ luật người học; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng thi, xét tốt nghiệp; Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành công việc; các hội đồng khác khi cần. Thành phần, nhiệm vụ của từng hội đồng quy định tại quyết định thành lập. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tư vấn, không quyết định thay hiệu trưởng; chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng hoặc người được hiệu trưởng phân công; hội đồng họp theo triệu tập của chủ tịch hội đồng, kết luận được lập thành biên bản trình hiệu trưởng xem xét, quyết định; hội đồng thành lập theo vụ việc tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 24. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức của Trường theo Điều 11 Luật Giáo dục nghề nghiệp gồm:

TT	Đơn vị	Ghi chú
1	Hội đồng trường	Chương II
2	Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng	Chương III
3	Hội đồng khoa học và đào tạo; các hội đồng tư vấn	Chương III
4	Phòng Hợp tác và Tổ chức Hành chính	Phòng chức năng
5	Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên	Phòng chức năng
6	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phòng chức năng
7	Phòng Quản lí chất lượng và Nghiên cứu khoa học	Phòng chức năng
	Ban Thanh tra	Phòng chức năng
8	Trung tâm Tuyển sinh - Truyền thông	Đơn vị trực thuộc
9	Khoa Y - Dược	Khoa
10	Khoa Kỹ thuật – Công nghệ	Khoa

TT	Đơn vị	Ghi chú
11	Khoa Kinh tế - Du lịch & Ngoại ngữ	Khoa
12	Tổ chức Đảng, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên	Theo điều lệ của tổ chức

2. Việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể đơn vị làm thay đổi danh mục tại khoản 1 Điều này do Hội đồng trường quyết nghị; hiệu trưởng quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ chi tiết của đơn vị theo danh mục đã được thông qua (khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 17 Điều lệ).

3. Tiêu chuẩn cán bộ quản lý (khoản 2 Điều 13 Điều lệ): người được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trưởng, phó trưởng phòng, khoa, trung tâm, trưởng bộ môn phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật; không trong thời gian bị xử lý kỷ luật;

b) Tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực phụ trách; trưởng, phó trưởng khoa và trưởng bộ môn phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định;

c) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phụ trách đối với cấp trưởng và 02 năm đối với cấp phó;

d) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh do hiệu trưởng quy định trong bản mô tả công việc, không thấp hơn tiêu chuẩn tại khoản này. Cán bộ quản lý đang giữ chức vụ thực hiện theo khoản 3 Điều 47 Quy chế này.

Điều 25. Phòng chức năng

1. Phòng chức năng tham mưu, giúp hiệu trưởng quản lý, tổng hợp, đề xuất và tổ chức thực hiện công việc theo lĩnh vực (khoản 1 Điều 17 Điều lệ). Mỗi phòng có trưởng phòng và các phó trưởng phòng.

2. Chức năng chính của các phòng:

Phòng	Chức năng chính
Hợp tác và Tổ chức Hành chính	Tổ chức bộ máy, nhân sự, hợp đồng lao động, đánh giá; tiền lương, bảo hiểm xã hội, chế độ; pháp chế nội bộ; hành chính, văn thư, lưu trữ; cơ sở vật chất, thiết bị, an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy; hạ tầng số, công nghệ thông tin; hợp tác doanh nghiệp, hợp tác đào tạo trong nước và quốc tế
Đào tạo và Công tác sinh viên	Chương trình, kế hoạch, tổ chức đào tạo; quản lý kết quả học tập, văn bằng, chứng chỉ; thực tập; công tác người học, chế độ chính sách, học bổng; giáo vụ các khoa
Kế hoạch - Tài chính	Kế hoạch tài chính, kế toán, thu học phí, công nợ, thanh toán, thuế, báo cáo tài chính; quản lý tài sản về mặt giá trị
Quản lí chất lượng - Nghiên cứu khoa học	Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, tự đánh giá, kiểm định; khảo thí; khảo sát các bên liên quan; quản lý nghiên cứu khoa học, sáng kiến

Điều 26. Khoa và bộ môn

1. Khoa trực thuộc Trường thực hiện nhiệm vụ theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ; có trưởng khoa và các phó trưởng khoa.

2. Khoa có thể thành lập bộ môn trực thuộc theo khoản 4 Điều 16 Điều lệ; bộ môn có trưởng bộ môn, không bố trí phó trưởng bộ môn. Hiệu trưởng quyết định thành lập bộ môn theo đề nghị của trưởng khoa. Bộ môn hoạt động theo kế hoạch của khoa; trưởng bộ môn chịu trách nhiệm trước trưởng khoa về chương trình, giáo trình, kế hoạch và phân công giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn ít nhất 01 lần mỗi tháng và bồi dưỡng nhà giáo của bộ môn (điểm c khoản 4 Điều 16 Điều lệ).

Điều 27. Trung tâm và đơn vị trực thuộc khác

1. Trung tâm Tuyển sinh - Truyền thông có chức năng tuyển sinh, truyền thông, quản trị dữ liệu tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp và phát triển thương hiệu; có giám đốc và các phó giám đốc.

2. Trường có thể thành lập đơn vị không có tư cách pháp nhân phục vụ hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tổ chức nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp theo điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 11 Luật Giáo dục nghề nghiệp (Điều 18 Điều lệ), sau khi Hội đồng trường quyết nghị.

Điều 28. Tổ chức Đảng, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức đại diện

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên và tổ chức đại diện của người học, người lao động hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức (Điều 19 Điều lệ). Trường tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho các tổ chức hoạt động.

Chương V
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 29. Chương trình, giáo trình

Trường tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo theo chuẩn chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp; tổ chức biên soạn, lựa chọn, duyệt giáo trình; định kỳ ít nhất 02 năm một lần rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình với sự tham gia của doanh nghiệp (Điều 7 Điều lệ).

Điều 30. Tuyển sinh, tổ chức đào tạo, văn bằng

Trường tự chủ xác định số lượng, phương thức tuyển sinh các ngành, nghề đã được cấp phép; tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; cấp và quản lý văn bằng, chứng chỉ; thực hiện liên thông, liên kết đào tạo và thực tập tại doanh nghiệp theo Điều 8 Điều lệ và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh, đào tạo.

Điều 31. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Trường xây dựng kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ hằng năm; khuyến khích nhà giáo, người học tham gia nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật, đổi mới sáng tạo (khoản 1 Điều 9 Điều lệ).

2. Trường thực hiện chuyển đổi số trong quản trị, quản lý, dạy học và hỗ trợ người học theo kế hoạch chuyển đổi số do hiệu trưởng ban hành sau khi Hội đồng trường quyết nghị thông qua định hướng; kế hoạch xác định lộ trình, nguồn lực, trách

nhiệm của các đơn vị và chỉ số đánh giá (khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ).

3. Hiệu trưởng thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số do hiệu trưởng làm Trưởng ban để chỉ đạo, điều phối, giám sát việc thực hiện; được ủy quyền bằng văn bản cho bộ phận thường trực hoặc tổ giúp việc điều phối thực hiện. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện trong phạm vi đơn vị mình; mỗi đơn vị cử đầu mối chuyển đổi số.

4. Việc ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá phải bảo đảm an toàn, hiệu quả, có kiểm soát, không thay thế trách nhiệm chuyên môn của nhà giáo, cán bộ quản lý và người học, và tuân thủ quy định của hiệu trưởng về sử dụng trí tuệ nhân tạo.

5. Dạy học trực tuyến, đào tạo từ xa, đào tạo kết hợp, kiểm tra và thi trực tuyến được tổ chức theo quy chế đào tạo của Trường, phù hợp với Quy chế đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường duy trì liên tục hệ thống học tập trực tuyến để hỗ trợ người học; người học được tiếp cận học liệu số của Trường (khoản 5 Điều 21 Điều lệ).

6. Trường là chủ quản các hệ thống thông tin của mình; xác định cấp độ và bảo vệ hệ thống thông tin, quản lý tài khoản, sao lưu, ứng cứu sự cố theo pháp luật về an ninh mạng và quy định của hiệu trưởng về quản lý, sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn thông tin (khoản 9 Điều 4 Điều lệ; Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15).

7. Trường bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học, cha mẹ hoặc người giám hộ của người học, nhà giáo, người lao động và cá nhân có liên quan theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15: ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân; chỉ định bộ phận hoặc nhân sự phụ trách; thông báo và lấy sự đồng ý khi thu thập, xử lý; lập hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân; ký thỏa thuận xử lý dữ liệu với bên cung cấp dịch vụ; bảo đảm quyền của chủ thể dữ liệu. Dữ liệu cá nhân của người học dưới 18 tuổi được xử lý với sự đồng ý của cha mẹ hoặc người giám hộ theo quy định. Không đưa dữ liệu cá nhân của người học, người lao động lên công cụ bên ngoài khi chưa có cơ sở xử lý dữ liệu hợp pháp; không trao đổi, lưu trữ dữ liệu cá nhân của người học trên tài khoản, ứng dụng cá nhân ngoài hệ thống do Trường quy định.

8. Hiệu trưởng quy định cơ chế đánh giá, khen thưởng tập thể, cá nhân có sáng kiến, kết quả ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ số hiệu quả và xử lý vi phạm theo quy định (khoản 3 Điều 9 Điều lệ).

Điều 32. Bảo đảm và kiểm định chất lượng

Trường xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; tự đánh giá hằng năm; thực hiện kiểm định cơ sở và chương trình đào tạo theo quy định; công khai kết quả (Điều 10 Điều lệ).

Điều 33. Hợp tác và đầu tư

Việc hợp tác, liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài, đầu tư trong giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo Điều 11 Điều lệ và quy định của pháp luật; các thỏa thuận hợp tác có nghĩa vụ tài chính hoặc thời hạn trên 12 tháng phải được đơn vị phụ trách pháp chế soát xét trước khi trình ký.

Điều 34. Hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục nghề nghiệp và hồ sơ điện tử

1. Trường lập, quản lý hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và pháp luật có liên quan (Điều 12 Điều lệ). Hệ thống hồ sơ gồm:

a) Hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ quản lý người học;

b) Chương trình, giáo trình, kế hoạch và tiến độ đào tạo;

c) Sổ lên lớp, sổ theo dõi kết quả học tập, hồ sơ thi, kiểm tra, xét tốt nghiệp; sổ cấp văn bằng, chứng chỉ;

d) Hồ sơ nhà giáo, hồ sơ giảng dạy;

đ) Hồ sơ bảo đảm và kiểm định chất lượng;

e) Hồ sơ hợp tác doanh nghiệp, thực tập;

g) Hồ sơ khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hồ sơ được lập, quản lý, lưu trữ dưới dạng hồ sơ điện tử thay cho hồ sơ giấy theo lộ trình do hiệu trưởng quyết định, phù hợp với điều kiện của Trường và khả năng thực hiện của nhà giáo, người lao động. Hồ sơ điện tử đáp ứng điều kiện theo pháp luật về giao dịch điện tử, lưu trữ và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ giấy (khoản 2 Điều 12 Điều lệ).

3. Mỗi người học được cấp một mã số người học duy nhất gắn với số định danh cá nhân khi nhập học, sử dụng thống nhất trong toàn bộ hồ sơ, dữ liệu của Trường và để kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định. Mỗi nhà giáo, người lao động được cấp một mã nhân sự duy nhất.

4. Các hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, người học, nhân sự, tài chính và hệ thống thông tin khác của Trường bảo đảm chuẩn dữ liệu, khả năng kết nối, liên thông, sao lưu, lưu trữ và bảo mật theo quy định của pháp luật và của Trường. Hiệu trưởng ban hành danh mục hệ thống thông tin dùng chung và chuẩn dữ liệu của Trường.

5. Mẫu hồ sơ, trách nhiệm lập, cập nhật và thời hạn lưu trữ do hiệu trưởng quy định; việc bảo quản, lưu trữ, khai thác, tiêu hủy hồ sơ thực hiện theo pháp luật về lưu trữ.

Chương VI
NHÀ GIÁO, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 35. Nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân sự hỗ trợ giáo dục, người dạy nghề và người lao động

1. Nhà giáo có quyền và nghĩa vụ theo Điều 8, Điều 9 Luật Nhà giáo, Điều 23 Luật Giáo dục nghề nghiệp, khoản 2 Điều 25 Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh và Điều 20 Điều lệ; chế độ làm việc của nhà giáo thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của hiệu trưởng.

2. Việc tuyển dụng, giao kết hợp đồng lao động, sử dụng, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động, Nội quy lao động, Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc và các quy định nội bộ do hiệu trưởng ban hành.

3. Mỗi vị trí việc làm có bản mô tả công việc do hiệu trưởng ban hành và được đính kèm hợp đồng lao động.

4. Cán bộ quản lý có quyền, nghĩa vụ của người lao động và nhiệm vụ, quyền hạn theo chức vụ được bổ nhiệm quy định tại Quy chế này, quyết định bổ nhiệm và bản mô tả công việc; chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

5. Nhân sự hỗ trợ giáo dục thực hiện quyền và nghĩa vụ của vị trí việc làm theo quy định của pháp luật và bản mô tả công việc (khoản 2 Điều 20 Điều lệ).

6. Người dạy nghề có quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng ký với Trường, quy định của Trường, của doanh nghiệp, hợp tác xã và quy định khác của pháp luật có liên quan (khoản 3 Điều 20 Điều lệ).

7. Người lao động có quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Lao động, hợp đồng lao động, Nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

Điều 36. Người học

Người học có quyền và nhiệm vụ theo Điều 82, Điều 83 Luật Giáo dục, khoản 2 Điều 25 Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều 21 Điều lệ; được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo, được tiếp cận học liệu số, được bảo vệ dữ liệu cá nhân và thông tin học tập, được hỗ trợ tâm lý học đường và kết nối việc làm.

Điều 37. Dân chủ tại cơ sở

Trường thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổ chức hội nghị người lao động và đối thoại tại nơi làm việc định kỳ ít nhất 01 lần mỗi năm (điểm a khoản 2 Điều 63 Bộ luật Lao động); công khai thông tin theo quy định; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người lao động, người học.

Chương VII
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 38. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính của Trường gồm các nguồn tại khoản 2 Điều 22 Điều lệ. Trường quản lý tài chính theo Điều 38 Luật Giáo dục nghề nghiệp, cân đối các nội dung chi để bảo đảm chất lượng đào tạo theo cam kết.

Điều 39. Quản lý tài chính

1. Hiệu trưởng lập kế hoạch tài chính năm trình Hội đồng trường quyết nghị trước ngày 31 tháng 12 năm trước; tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về quản lý thu, chi.

2. Quy chế tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ do hiệu trưởng ban hành sau khi Hội đồng trường quyết nghị. Mức học phí và các khoản thu dịch vụ được công khai trước khi tuyển sinh.

3. Báo cáo tài chính năm được lập, kiểm toán (nếu thuộc diện phải kiểm toán) và công khai theo quy định của pháp luật; được báo cáo Hội đồng trường và Nhà đầu tư.

Điều 40. Quản lý, sử dụng tài sản

Trường bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị theo điều kiện cấp phép, chuẩn chương trình đào tạo và chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quản lý, sử dụng tài sản theo Điều 40 Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều 23 Điều lệ; kiểm kê tài sản ít nhất 01 lần mỗi năm.

Chương VIII
QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG VỚI GIA ĐÌNH NGƯỜI HỌC, DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI

Điều 41. Quan hệ với gia đình người học

Trường phối hợp với gia đình người học theo Điều 24 Điều lệ; hằng năm khảo sát và công khai kết quả đánh giá hiệu quả phối hợp.

Điều 42. Quan hệ với doanh nghiệp

Trường phối hợp với doanh nghiệp theo Điều 25 Điều lệ: doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, giảng dạy, hướng dẫn thực tập, đánh giá kết quả học tập, Hội đồng khoa học và đào tạo và Hội đồng trường; Trường duy trì cơ sở dữ liệu doanh nghiệp đối tác và đánh giá hợp tác hằng năm.

Điều 43. Quan hệ với xã hội

Trường phối hợp với cơ quan, tổ chức theo Điều 26 Điều lệ; có cơ chế để xã hội tham gia đánh giá chất lượng đào tạo.

Chương IX
KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 44. Kiểm tra nội bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo

Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra nội bộ theo kế hoạch năm; tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo pháp luật. Hội đồng trường giám sát theo Điều 18 Quy chế này.

Điều 45. Khen thưởng

Việc thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thực hiện theo pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy chế thi đua – khen thưởng của Trường; kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc là căn cứ xét khen thưởng.

Điều 46. Xử lý kỷ luật

1. Người lao động vi phạm kỷ luật lao động bị xử lý theo Bộ luật Lao động và Nội quy lao động đã đăng ký.

2. Việc đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng do Hội đồng trường quyết nghị; Chủ tịch Hội đồng trường ký quyết định. Việc đánh giá, khen thưởng, xử lý kỷ luật lao động đối với phó hiệu trưởng do hiệu trưởng thực hiện theo Bộ luật Lao động; việc miễn nhiệm, cách chức phó hiệu trưởng do Hội đồng trường quyết nghị theo đề nghị của hiệu trưởng (Điều 8, khoản 1 Điều 21 Quy chế này).

3. Người học vi phạm bị xử lý theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế công tác người học của Trường.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực và chuyển tiếp

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Các văn bản nội bộ ban hành trước ngày Quy chế này có hiệu lực tiếp tục được áp dụng theo khoản 3 Điều 6 Quy chế này. Trong thời hạn 03 tháng, hiệu trưởng rà soát, sửa đổi các văn bản không phù hợp với Quy chế này.

3. Cán bộ quản lý đang giữ chức vụ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đến khi có quyết định mới của cấp có thẩm quyền theo Quy chế này.

4. Trong thời gian chưa thành lập Hội đồng trường:

a) Hội đồng quản trị được công nhận tại Quyết định số 287/QĐ-TCGDNN ngày 24/12/2024 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cho đến khi Nhà đầu tư ban hành quyết định thành lập Hội đồng trường (khoản 10 Điều 45 Luật Giáo dục nghề nghiệp; khoản 2 Điều 16 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT); trong thời gian này, các nội dung thuộc thẩm quyền quyết nghị của Hội đồng trường theo Quy chế này do Hội đồng quản trị thực hiện, trừ việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hiệu trưởng;

b) Hiệu trưởng đương nhiệm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng trường bổ nhiệm hiệu trưởng mới và người được bổ nhiệm nhận nhiệm vụ (khoản 13 Điều 45 Luật Giáo dục nghề nghiệp); việc thôi giữ chức vụ của hiệu trưởng đương nhiệm chỉ có hiệu lực từ ngày hiệu trưởng mới nhận nhiệm vụ;

c) Quy chế này được Hội đồng quản trị quyết nghị thông qua theo điểm a khoản này để hiệu trưởng ban hành đúng thời hạn tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 63/2026/TT-BGDĐT và khoản 5 Điều 16 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT. Tại phiên họp đầu tiên, Hội đồng trường xem xét, quyết nghị thông qua lại hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nhà đầu tư ban hành quyết định thành lập Hội đồng trường (khoản 2 Điều 5 Điều lệ); văn bản đã ban hành theo Quy chế này trước thời điểm đó tiếp tục có hiệu lực;

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nhà đầu tư ban hành quyết định thành lập Hội đồng trường, Hội đồng quản trị bàn giao cho Hội đồng trường hồ sơ, tài liệu, công việc, tài chính, tài sản, quyền và nghĩa vụ có liên quan, lập biên bản (khoản 3 Điều 16 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT).

5. Đối với Hội đồng trường nhiệm kỳ đầu tiên:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng trường không phải là người đang giữ chức vụ hiệu trưởng (khoản 3 Điều 10 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT; khoản 4, khoản 7 Điều 13 Quy chế này);

b) Chủ tịch Hội đồng trường triệu tập phiên họp đầu tiên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Nhà đầu tư ban hành quyết định thành lập Hội đồng trường; trường hợp chưa có Chủ tịch, Nhà đầu tư chỉ định một thành viên không phải là hiệu trưởng triệu tập, điều hành phiên họp;

c) Ghế đại diện lãnh đạo Trường do hiệu trưởng hoặc một phó hiệu trưởng đảm nhận theo quyết định của Nhà đầu tư; hiệu trưởng là thành viên Hội đồng trường không tham gia biểu quyết việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đánh giá và chế độ của chính mình (khoản 3 Điều 15 Quy chế này);

d) Phiên họp đầu tiên quyết nghị: thông qua Quy chế theo điểm c khoản 4 Điều này; bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại hiệu trưởng; thông qua Thư ký Hội đồng trường; kế hoạch hoạt động năm đầu tiên của nhiệm kỳ.

6. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có hướng dẫn khác về việc thông qua, ban hành Quy chế trong thời gian chuyển tiếp, hiệu trưởng trình Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng trường điều chỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hướng dẫn.

Điều 48. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do hiệu trưởng hoặc ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng trường đề xuất, Hội đồng trường quyết nghị theo khoản 3 Điều 17, hiệu trưởng ban hành. Việc sửa đổi số lượng, tỷ lệ, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên, Chủ tịch Hội đồng trường tại Điều 9, Điều 10 Quy chế này phải được Nhà đầu tư thông qua bằng văn bản trước khi Hội đồng trường quyết nghị (khoản 4 Điều 10 Thông tư 71/2026/TT-BGDĐT). Quy chế sau khi ban hành hoặc sửa đổi phải được công bố công khai trong toàn trường (khoản 3 Điều 5 Điều lệ).

Điều 49. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường, trưởng các đơn vị và toàn thể nhà giáo, người lao động, người học của Trường chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Phòng Hợp tác - Tổ chức Hành chính là đầu mối theo dõi, báo cáo hiệu trưởng về việc thực hiện./.